TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/01/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quảng và bà Bàng Thị Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2017/TLST - HNGĐ ngày 11/10/2017 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Anh T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ B, khu L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở: Số nhà B, tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ B, khu L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở: Số nhà M, tổ H, phố V, huyện T, thành phố Hà Nội – Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2017, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Anh T đều trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2011. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 03 năm, sau khi chung sống, anh chị về sống chung tại nhà bố mẹ đẻ của anh T địa chỉ tại: tổ M, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh , đến năm 2010 thì chuyển về sống tại Tổ B, khu L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

không hiểu nhau, không cùng hướng tới cuộc sống hôn nhân xây đắp hạnh phúc gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, làm mất trật tự khu phố, bản thân anh T thì hay uống rượu bia, đi chơi thâu đêm, chị T thì cờ bạc, trong thời gian mâu thuẫn thì cả hai bên đều phát sinh tình cảm với người khác giới, từ năm 2014 cho đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm. Anh chị đã gặp nhau để trao đổi khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng khuyên can, hòa giải cho vợ chồng anh nhưng không đạt kết quả, anh không còn tình cảm dành cho chị T, không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị T được nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Vũ Bảo D sinh ngày xx/xx/xxxx, nay ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11/2017 đến khi con chung thành niên.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2017 và tại đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 02/01/2018, chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị T xác nhận hoàn cảnh kết hôn như anh T trình bày là đúng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không cùng hướng tới cuộc sống hôn nhân xây đắp hạnh phúc gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, làm mất trật tự khu phố, trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Từ năm 2014 cho đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên cũng khuyên can, hòa giải nhưng không đạt kết quả, đến nay chị không còn tình cảm dành cho chị Tuấn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Vũ Bảo D sinh ngày xx/xx/xxxx, nay ly hôn, chị T đồng ý giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T đồng ý cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11/2017 đến khi con chung thành niên.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 12/12/2017, ông Phạm Quang H là khu trưởng khu phố L phường C có lời khai: Anh T và chị T chung sống với nhau từ năm 2006, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

nay anh T, chị T xin ly hôn, tổ dân khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Ngọc T.

[2] **Về hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Ngọc T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, tính cách không hợp nhau, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2014 cho đến nay, anh T, chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa, đã gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Ngọc T, trong đơn gửi Tòa án của mình, chị T cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Anh T, như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Ngọc T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung và cấp dưỡng cho con:**

[3.1] **Về con chung**

Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Ngọc T có 01 con chung, họ tên là Vũ Bảo D sinh ngày xx/xx/xxxx

Xét yêu cầu của anh T, chị T thấy: Anh T, chị T đều có yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc T đã có lời khai tại bản tự khai và quan điểm tại đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày

02/01/2018, chị T vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy, đây thuộc trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định, giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.2] **Về cấp dưỡng cho con:**

Quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu chị Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng cho con số tiền là 2.000.000đ một tháng, chị T đồng ý, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, xét yêu cầu của anh T và quan điểm của chị T, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh T là phù hợp, nên được chấp nhận.

[4] **Về tài sản chung, công nợ chung:**

Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Ngọc T xác định cả hai vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

4. **Về án phí:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

<u>Tuyên xử</u>

1. <u>Về hôn nhân</u>: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Anh T.

Cho ly hôn giữa Anh Vũ Anh T và chị Nguyễn Ngọc T

2. <u>Về con chung</u>: Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của anh Vũ Anh T.

2.1. Giao con chung Vũ Bảo D sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Vũ Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi)

2.2. Chị Nguyễn Ngọc T phải đóng góp nuôi con với anh Vũ Anh T số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Chị Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Vũ Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 000xxxx ngày xx/xx/xxxx của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con.

Anh Vũ Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:
- *VKSND TP C;*
- *TAND tỉnh Q/N;*
- *THADS TP C;*
- *Các đương sự*
- *UBND phường C*
- *Lưu hồ sơ-Vp.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Hồng Ninh